

Số: 1240/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Đông, ngày 05 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1093/2026/TLST-HNGĐ ngày 14/07/2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị Thu H** - sinh năm 1991; Thẻ căn cước: 036191005547, cấp ngày 25/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – **Bộ C**.

Nơi ĐKKHKT: Căn hộ 1714, HH03F, **tổ dân phố T, xã B, thành phố Hà Nội**.

Hiện trú tại: **thôn P, xã Q, tỉnh Ninh Bình**.

- **Bị đơn:** Anh **Vũ Huy Đ** - sinh năm 1988; Thẻ căn cước: 036088002181, cấp ngày 25/04/2025; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – **Bộ C**.

Nơi ĐKKHKT và hiện trú tại: **Căn hộ A, HH03F, tổ dân phố T, xã B, thành phố Hà Nội**.

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (quy định về án phí, lệ phí Tòa án).

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải ngày 28/07/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Vũ Thị Thu H** và **anh Vũ Huy Đ**.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. *Về tình cảm*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Vũ Thị Thu H** và anh **Vũ Huy Đ**.

2. *Về con chung*: Chị **H** và anh **Đ** thống nhất xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là **Vũ Đăng K** (nam) sinh ngày 18/01/2018 và cháu **Vũ Ngọc Minh K1** (nữ) sinh ngày 16/03/2026.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị **H** và anh **Đ**: Giao con chung là cháu **Vũ Đăng K** cho anh **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là cháu **Vũ Ngọc Minh K1** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay thế khác của pháp luật.

Về phần cấp dưỡng: Chị **H** và anh **Đ** thống nhất xác nhận, do mỗi người nuôi một con chung nên cả chị **H** và anh **Đ** không ai yêu cầu ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, nên Tòa không xét.

Chị **H**, anh **Đ** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung* (gồm động sản và bất động sản): Chị **H** và anh **Đ** đều thống nhất xác nhận vợ chồng anh chị tự thoả thuận về phần tài sản chung, ly hôn cả chị **H** và anh **Đ** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

4. *Về nợ*: Chị **H** và anh **Đ** thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị tự thoả thuận về phần công nợ chung, ly hôn cả chị **H** và anh **Đ** đều không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về phần công nợ chung, nên Tòa không xét.

5. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị **H** tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001211 ngày 14/07/2026 tại Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 6 – Hà Nội).

- Trả lại chị **Vũ Thị Thu H** 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng do chị **H** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001212 ngày 14/07/2026 của Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 6 – Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Hồng Lý

